TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/DS-PT
Ngày: 24-4-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Lê Thành Tôn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2019/TLPT- DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu P (Tr), sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Long P, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1954. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Long P, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986. (Có mặt)

3.2. Chị Trần Thị Kim Đ, sinh năm 1986.

3.3. Cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 01/5/2011.

3.4. Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1981.

3.5. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

3.6. Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

3.7. Anh Nguyễn Hòa B, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

3.8. Cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 11/3/2001.

3.9. Cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 22/01/2006.

3.10. Bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1946. (Có đơn xin vắng mặt)

3.11. Ông Nguyễn Trung C, sinh năm 1965. (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Long P, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.12. Ông Nguyễn Phước V, sinh năm 1949; (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Thanh L, thị trấn B, huyện T, tỉnh A.

3.13. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thành L, xã Tân C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo pháp luật* của cháu Nguyễn Ngọc Bảo T là anh Nguyễn Hữu T (là cha ruột). (Có mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền* của anh T, chị Kim Đ là ông Nguyễn Hữu P, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Ấp Long P, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt)

- *Người đại diện theo pháp luật* của cháu Nguyễn Thị Ngọc M và cháu Nguyễn Thị Ngọc T là chị Nguyễn Thị Kim D (là mẹ ruột). (Vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền* của chị Nguyễn Thị Kim D là bà Nguyễn Thị Gi (theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2017). (Có mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

4.2. Ông Văng Văn H, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

4.3. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Long T, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P, cũng là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hữu T, chị Trần Thị Kim Đ trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp, ông được cha mẹ là ông Nguyễn Phát T (chết 01/11/1988) và bà Phạm Thị U (chết 01/12/2005) cho vào năm 1983, diện tích 390m^2. Việc cho đất chỉ nói miệng không có làm giấy tờ. Sau khi nhận đất ông đã đào cái ao dài 25m, chiều ngang 15,5m để nuôi cá. Những người đào ao do ông thuê là ông Nguyễn Văn G không biết năm sinh, ông Nguyễn Văn U (M) hiện nay không có mặt ở địa phương, không biết năm sinh và ông H, không biết rõ họ và ông S không biết họ tên và năm sinh, cả bốn người này đều ở ấp Long T, xã Long K. Ông sử dụng cái ao liên tục đến năm 2014, ông bán một phần cái ao cho bà Nguyễn Thị I là chị ruột của ông ngang 08m, dài 16m, bà I đã thổi cát lấp ao. Bà Nguyễn Thị Gi là chị ruột của ông, có đất để cất nhà ở mà bà Gi không cất. Năm 1998, bà Gi có hỏi ông ở đậu trên đất của ông là bờ ao để cất một căn nhà bằng tre ngang 05m, dài 10m. Năm 2015 ông lắp ao xong thì bà Gi tự ý xây nhà bê tông cốt thép dài ra thêm nhưng không hỏi ý của ông ngang 16m, dài 05m (16m là chiều dài của cái ao, 05m là một phần dài của cái ao). Lúc đó ông không có ý kiến vì nghĩ tình cảm chị em.

Sau đó bà Gi lại xây thêm nhà vệ sinh trên phần đất của ông chiều dài 1,8m, chiều ngang l,8m = 3,24m^2. Ngoài ra bà Gi còn cất thêm cái trại bán quán nước uống trên lộ giới trước nền nhà phần đất của ông. Còn lại dài 7,8m x ngang 3,3m = 25,74m^2. Đồng thời bà Gi còn che thêm mái nhà tạm từ nhà bà ra dài 14,7m x ngang 3,1 m = 45,57m^2. Tổng cộng diện tích bà Gi lấn chiếm của ông là 74,55m^2. Phần đất tranh chấp thuộc thửa 2422, 2423, tờ bản đồ số 02, Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 16/11/1994.

Từ năm 2011, ông đi làm ăn không còn sử dụng đất thường xuyên nữa. Cách nay khoảng 07 năm, bà Gi đã tự ý trồng cây hết phần đất của ông. Nay ông thay đổi yêu cầu, ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Gi di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối trên đất để trả lại cho ông diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2, thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 17 và hành lang giao thông. Đối với đất thuộc hành lang giao thông thì ông chấp nhận trừ ra. Ông không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc L là em ruột của ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Gi đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Kim D trình bày: Bà là chị ruột của ông Nguyễn Hữu P. Trước khi cha mẹ chết có chia cho các con diện tích đất phía lề trong đường từ trên xuống, nam được ngang l0m, dài 20m (người nào lớn ở trên hết dần xuống dưới); phía ngoài đường, nữ được ngang 08m, dài 20m (theo vị trí người lớn ở phía trên hết dần xuống dưới, bắt đầu là bà Nguyễn Thị U (đã chết), tiếp theo là Nguyễn Thị I, kế tiếp là của bà và sau cùng là bà Nguyễn Thị Ngọc L. Diện tích đất còn lại đưa vào phần hương quả. Phần căn nhà bà đang ở cách ranh dưới khoảng 3,2m và trong tộc họ thống nhất chừa đường đi chung ngang 2m nên còn dư khoảng 1,2m nên bà làm nhà vệ sinh. Ngày 15/10/2016 thì ông P đến ngăn cản không cho thi công và có mời Công an đến làm việc không cho thi công tiếp. Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông P.

Bà chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc L, đồng ý di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối trên đất trả lại cho bà L diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2, vị trí đất như ông P yêu cầu. Do phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà rút lại yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông P.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Bà là em ruột của ông P và bà Gi. Cha mẹ bà có tất cả 07 người con là Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị I, Nguyễn Phước V, Nguyễn Thị Gi, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Trung C và bà. Cha mẹ bà có phần đất ở và đất rẫy, lúc còn sống đã chia cho các con như sau: Con trai được cho đất giáp phía trong đường nhựa chiều ngang l0m x dài 30m là 300m^2. Con gái được cho đất giáp phía ngoài đường nhựa chiều ngang 08m x dài 20m là 160m^2. Chia cho con lớn ở trên dài xuống. Mẹ bà kêu ông V đo đất cho các chị em xong. Sau đó, bà Gi có thuê ghe cát đỗ lắp mặt bằng. Khi chia xong còn một nền trống giữa đất của bà và bà Gi làm đất hương hỏa. Năm 2011 con của ông P là anh Nguyễn Hữu T làm ăn thất bại nên ông P đã bán nền trống cho bà I với giá 40.000.000đ. Khi mua xong, bà I muốn có 02 nền đất liền kề nên đã thỏa thuận đổi đất với bà. Bà đồng ý đổi nên giao phần đất của bà cho bà I để nhận phần đất đang tranh chấp. Nay bà thay đổi yêu cầu độc lập vì đất đo đạc thực tế khác so với đo tay trước đây, bà yêu cầu bà Gi di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối trên đất và ông P phải trả lại cho bà diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2, vị trí đất như ông P yêu cầu. Đối với đất thuộc hành lang giao thông thì bà chấp nhận trừ ra.

+ Bà Nguyễn Thị I trình bày: Cha mẹ bà là ông Nguyễn Phát T và bà Phạm Thị U. Cha mẹ bà có bốn người con gái, ba người con trai. Lúc sinh thời cha mẹ bà có chia đất cho các con như sau: Phía ngoài sông (bên phần đất đang tranh chấp) là cho con gái ngang 08m dài 20m, phía trong đồng là cho con trai. Lúc cho đất chiều ngang 08m là tính từ trên xuống cho con gái từ lớn tới nhỏ, chia xong dư 01 nền làm đất hương hỏa, cúng kiến ông bà. Phần bà Gi do đã cất nhà ở phía dưới trước nên thống nhất giữ nguyên. Lúc ông P bán đất cho bà phần đất dư là đất hương hỏa, do đất liền ranh với nền đất của bà, nên bà mới mua, sau đó bà đổi nền đất với đất bà L. Sau khi đã thỏa thuận đổi đất xong (phần đất ông P bán tiếp giáp với đất của bà, rồi mới đến đất của L). Việc mua bán đất do anh Nguyễn Hữu T là con của ông P làm giấy tay có ông Nguyễn Trung C và ông Nguyễn Phước V làm chứng. Ông P không làm giấy mua bán mà thống nhất cho con nên anh T mới đứng ra làm giấy tay. Bà không nhớ rõ năm mua bán đất vì trong giấy không có ghi khoảng năm 2009, vì bà trả tiền trong khoảng 01 năm, đến năm 2010 là trả tiền xong hết. Do đất đã đổi xong hết trước khi bà mua đất, hiện nay phần đất mua bà đang trực tiếp sử dụng nên bà không có yêu cầu hay tranh chấp trong vụ kiện này.

+ Chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Thái B và anh Nguyễn Hòa B là con của bà Nguyễn Thị Gi trình bày: Đất của ông bà ngoại cho bà Gi, không chấp nhận trả đất cho ông P.

+ Ông Nguyễn Phước V, ông Nguyễn Trung C trình bày: Cha mẹ các ông có

04 người con gái, 03 người con trai. Cha mẹ có phần đất thổ cư chia cho các con như sau: Phần nữ phía ngoài đường ngó vào, lớn trên, nhỏ dưới chiều ngang 08m, chiều dài 20m (diện tích 160m^2). Còn phần nam thì ở trong đường ngó ra sông, lớn trên, nhỏ dưới chiều ngang 10m, chiều dài 30m (diện tích 300m^2). Phần đất dư còn lại đưa vào hương hỏa quản lý. Nguyễn Hữu T là con của ông P thiếu nợ vật liệu xây dựng, bị dọa dỡ nhà trừ nợ. Vì muốn giữ danh dự tộc họ nên 02 ông quyết định bán phần đất dư 160m^2 ở phía ngoài đường cho bà Nguyễn Thị I để trả nợ cho anh T. Từ đó, ông P nghĩ rằng đất đó thuộc quyền của ông và con ông. Phần bà L kiện ông P là đúng sự thật. Hai ông không có tranh chấp gì hết.

- Những người làm chứng trình bày:

+ Ông Nguyễn Văn S, ông Văng Văn H và ông Nguyễn Văn G trình bày: Đất ông P đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị Gi trong thửa 2423 tờ bản đồ số 02 ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/11/1994, trong thửa này là cái ao vì trước năm 1994 ông P thuê các ông đào để nuôi cá.

Tại bản án số 30/2018/DSST ngày 12/9/2018 của Tòa án huyện H tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P yêu cầu bà Nguyễn Thị Gi di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối trên đất trả lại cho ông diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2, thuộc một phần thửa đất số 253 và hành lang giao thông, tờ bản đồ số 17, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Gi cùng các thành viên trong hộ gia đình gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thái B, Nguyễn Hòa B, Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Thị Ngọc T di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối, các vật kiến trúc, vật khác trên đất (nếu có) và buộc ông Nguyễn Hữu P trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L diện tích đất 151m^2, thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 17, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, có vị trí:

- Hướng Đông giáp đất Nguyễn Thị Gi từ điểm C đến điểm M4: 16,75m.

- Hướng Tây giáp đất Nguyễn Thị I từ điểm A đến điểm M5: 18,15m.

- Hướng Nam giáp đất Nguyễn Trung C từ điểm M4 đến điểm M5: 8,6m.

- Hướng Bắc giáp đất hành lang giao thông từ điểm A đến điểm C: 8,6m.

(Theo mãnh trích đo địa chính số 09/2018 ngày 15 tháng 5 năm 2018 và sơ đồ mốc, sơ đồ xác định ranh giới, mốc giới cấp giấy chứng nhận kèm theo của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp.)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, đương sự có quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định chung.

3. Về án phí:

3.1. Buộc ông Nguyễn Hữu P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ theo lai thu tiền số BN/2013 00777 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, còn phải nộp tiếp 100.000đ.

3.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Gi được miễn án phí.

3.3. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L tiền tạm ứng án phí đã nộp 315.000đ, theo biên lai thu tiền số BN/2013 14501 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Hữu P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.826.000đ, đã nộp chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 24/9/2018 ông Nguyễn Hữu P có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, ông yêu cầu bà Gi di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối trên đất để trả lại cho ông diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2, thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 17 và hành lang giao thông. Đối với đất thuộc hành lang giao thông 36m^2 do Nhà nước quản lý thì ông chấp nhận trừ ra. Ông không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc L là em ruột của ông.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông P vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông P, tuy nhiên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L, công nhận sự tự nguyện của hộ bà Gi đồng ý tháo dỡ, di dời mái nhà và các tài sản cây cối có trên đất và buộc ông Nguyễn Hữu P trả lại cho bà L diện tích 187m^2 (trong đó có diện tích 36m^2 là phần đất thuộc hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý) thuộc hửa số 253, tờ bản đồ số 17 là chưa chính xác vì thực tế bà Gi là người đang sử dụng phần đất này, ông P không có sử dụng diện tích đất này từ năm 1984 cho đến nay, do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của hộ bà Gi đồng ý tháo dỡ, di dời mái nhà và các tài sản cây cối có trên đất để trả lại cho bà L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông P yêu cầu bà Gi di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối có trên đất để trả lại cho ông diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2, thuộc một

phần thửa đất số 253 (trong đó có diện tích hành lang giao thông lộ giới 36m^2) thuộc tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Long K, huyện H.

Bà L có yêu cầu độc lập, bà yêu cầu bà Gi di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối trên đất để trả lại cho bà diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2, vị trí đất như ông P yêu cầu bà Gi trả lại. Đối với diện tích đất thuộc hành lang giao thông lộ giới 36m^2 do Nhà nước quản lý thì bà chấp nhận trừ ra không yêu cầu.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử, ông P có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử, ông yêu cầu bà Gi di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối có trên đất để trả lại cho ông diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2, thuộc một phần thửa đất số 253 (trong đó có diện tích hành lang giao thông lộ giới 36m^2), tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Long K, huyện H. Xét yêu cầu kháng cáo của ông P là không có căn cứ. Bởi vì, căn cứ vào Công văn số 131/UBND-ND ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H xác định: Các thửa đất số 2098, diện tích 2.000m^2, thửa 2422, diện tích 300m^2, thửa 2423 diện tích 390m^2, tờ bản đồ số 02, xã Long K, cấp cho ông Nguyễn Hữu P ngày 16/11/1994 không tương ứng với thửa 253, tờ bản đồ số 17. Thửa số 253, tờ bản đồ số 17 đang tranh chấp chưa được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tên chủ sử dụng đất thể hiện trong sổ mục kê ghi nhận bằng viết chì là của bà Phạm Thị U là mẹ của các đương sự. Ông P cũng không có chứng cứ giấy tờ gì chứng minh diện tích đất trên tại thửa 253 là của cha mẹ ông cho.

Theo các lời khai của anh em ông P đều xác định phần đất đang tranh chấp là phần của bà L được bà U cho vào ngày 28/9/2005 (có giấy tờ cho) và trong tờ chuyển nhượng đất cho bà I do anh T là con của ông P đứng tên chuyển nhượng (tờ chuyển nhượng tại phiên tòa ông P thừa nhận là chữ ký của anh T) trong nội dung tờ chuyển nhượng ghi "***Bên trái giáp với đất thổ cư của bà Nguyễn Thị I, bên phải giáp với đất thổ cư của bà Nguyễn Thị Ngọc L"***. Ông P cho rằng trong tờ chia đất do bà Phạm Thị U lập ngày 28/9/2005, chia đất cho bà L nền nhà 160m^2, chiều ngang 08m, chiều dài 20m là phần đất ông đang tranh chấp, là tờ chia đất giả mạo, nhưng ông cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, trong khi đó các anh em của ông đều xác định phần đất đang tranh chấp là của bà L được bà U chia cho và anh em của ông cũng thống nhất không ai có ý kiến hay tranh chấp. Do đó, xét lời khai nại của ông là không có căn cứ, mặt khác tại phiên tòa ông cũng xác định từ năm 1984 cho đến nay ông không có sử dụng phần đất tranh chấp này do hoàn cảnh khó khăn ông phải bỏ địa phương ra Vũng Tàu làm ăn sinh sống.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của bà L, bà chỉ yêu cầu bà Gi di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối có trên đất vì hiện nay trên phần đất đang tranh chấp bà Gi là người trực tiếp sử dụng nên bà Gi phải trả lại cho bà diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2 (trong đó có diện tích 36m^2 là phần đất thuộc hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý) bà chấp nhận trừ diện tích 36m^2 ra, diện tích còn lại 151m^2 bà yêu cầu bà Gi trả lại để bà sử dụng. Xét yêu cầu của bà L là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, diện tích 187m^2 (trong đó có diện tích 36m^2 là phần đất thuộc hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý) thuộc thửa số 253, tờ bản đồ số 17 đang

tranh chấp chưa được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tên chủ sử dụng đất thể hiện trong sổ mục kê ghi nhận bằng viết chì là của bà Phạm Thị U là mẹ của các đương sự đã cho bà L. Tại phiên tòa hộ gia đình bà Gi tự nguyện đồng ý di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối, các vật kiến trúc khác có trên đất để trả lại cho bà L diện tích 187m^2 (trong đó có diện tích 36m^2 là phần đất thuộc hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý) thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 17 là có căn cứ. Bà L có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký diện tích 151m^2, riêng diện tích 36m^2 là phần đất thuộc hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý bà L chỉ sử dụng không được kê khai đăng ký khi chưa có chủ trương cho kê khai đăng ký của Nhà nước.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L, công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Gi cùng các thành viên trong hộ gia đình gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thái B, Nguyễn Hòa B, Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Thị Ngọc T đồng ý di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối, các vật kiến trúc khác có trên đất để trả lại diện tích 187m^2 (trong đó có diện tích 36m^2 là phần đất thuộc hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý) thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 17 cho bà L. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm, nên ông P không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông P, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu của bà L. Công nhận sự tự nguyện của hộ bà Gi đồng ý tháo dỡ, di dời mái nhà và các tài sản cây cối có trên đất để trả lại diện tích 187m^2 (trong đó có diện tích 36m^2 là phần đất thuộc hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý) thuộc hửa số 253, tờ bản đồ số 17 cho bà L. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 5; Điều 95; Điều 99; Điều 100; Điều 179; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu P.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P yêu cầu bà Nguyễn Thị Gi di dời toàn bộ mái nhà, quán nước, giàn bầu, cây cối trên đất trả lại cho ông diện tích đất theo đo đạc thực tế 187m^2 (trong đó có 36m^2 là hành lang giao thông do Nhà nước quản lý) thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp Long P, xã Long K, huyện H.

4. Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Gi cùng các thành viên trong hộ gia đình gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thái B, Nguyễn Hòa B, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ngọc T đồng ý tháo dở, di dời mái nhà, vật kiến trúc, cây trồng và các tài sản có trên phần đất đang tranh chấp để trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L như sau:

- Diện tích 36m^2 là hành lang giao thông lộ giới do Nhà nước quản lý theo các mốc M1, M3, C, A trở về M1 (bà L chỉ sử dụng, không được quyền đăng ký).

- Diện tích 151m^2 theo các mốc 5, M4, C, A trở về M5 thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp Long P, xã Long K, huyện H.

Phần diện tích 151m^2 có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp đất Nguyễn Thị Gi từ điểm C đến điểm M4: 16,75m.

- Hướng Tây giáp đất Nguyễn Thị I từ điểm A đến điểm M5: 18,15m.

- Hướng Nam giáp đất Nguyễn Trung C từ điểm M4 đến điểm M5: 8,6m.

- Hướng Bắc giáp đất hành lang giao thông từ điểm A đến điểm C: 8,6m.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà L có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích 151m^2 theo bản án đã tuyên.

(Kèm theo mãnh trích đo địa chính số 09/2018 ngày 15 tháng 5 năm 2018, sơ đồ mốc, sơ đồ xác định ranh giới, mốc giới cấp giấy chứng nhận kèm theo của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H).

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hữu P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ theo lai thu tiền số BN/2013 00777 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, ông P còn phải nộp tiếp 100.000đ.

- Bà Nguyễn Thị Gi được miễn án phí.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L tiền tạm ứng án phí đã nộp 315.000đ, theo lai thu tiền số BN/2013 14504 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện H.

6. Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Hữu P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.826.000đ, đã nộp chi xong.

7. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu P không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, ông P được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0003972 ngày 24/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- TAND huyện H;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.